

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày: 24/10/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mộng Hùng và ông Ngô Xuân Cải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án Khu vực 17 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2025/ TLST - HS ngày 30 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2025/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/HSST-QĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/HSST-QĐ ngày 25 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 17/10/1977 tại xã Phù Nham, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái (nay là phường Tr Tâm, tỉnh Lào Cai); Nơi thường trú: Thôn Ổ, phường Tr Tâm, tỉnh Lào Cai; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 206, Đường Lê Hữu Tựu, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là số nhà 206, đường Lê Hữu Tựu, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Nghi và bà Nguyễn Thị Hải; con có 01 con Hoàng Thảo Nh, sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 367/2025/HSST ngày 04/06/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Y 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản” tại Khoản 4 Điều 174 BLHS, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/3/2024.

Bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Nguyên - Cục C10 - Bộ Công an; Địa chỉ: Núi Pháp Cổ, xã Việt Khê, thành phố Hải Phòng (Có mặt).

*** Bị hại:**

1. Ông Trương Đức Q, sinh năm 1966, trú tại xóm Sào, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là xóm Sào, xã Lạc Lương, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).
2. Ông Trương Đức T, sinh năm 1974, trú tại xóm Sào, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là xóm Sào, xã Lạc Lương, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).
3. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1957, trú tại xóm Phố Sáu, xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là xóm Phố Sáu, xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).
4. Ông Tạ Khắc H, sinh năm 1971, trú tại khu phố Tân Khánh, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là khu phố Tân Khánh, xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
5. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957, trú tại khu phố Tân Khánh, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là khu phố Tân Khánh, xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).
6. Chị Bùi Thị K, sinh năm 1985, trú tại xóm Đồng Lạc, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là xóm Đồng Lạc, xã Yên Trị, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).
7. Chị Bùi Thị Ng, sinh năm 1989, trú tại xóm Mền 1, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là xóm Mền 1, xã Yên Trị, tỉnh Phú Thọ) (có mặt).
8. Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1989, trú tại xóm Bèo, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là xóm Bèo, xã Lạc Lương, tỉnh Phú Thọ) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

***Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố Tân Khánh, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là khu phố Tân Khánh, xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ) (có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Anh Trương Đức T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm Sào, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là xóm Sào, xã Lạc Lương, tỉnh Phú Thọ) (có đơn xin xét xử vắng mặt).
3. Anh Trương Đức T2, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm Sào, xã Đa Phúc, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là xóm Sào, xã Lạc Lương, tỉnh Phú Thọ) (có đơn xin xét xử vắng mặt)
4. Chị Hoàng Thảo Nh, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn Ổ, xã Phù Nham, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái (nay là Thôn Ổ, phường Tr Tâm, tỉnh Lào Cai) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Năm 2023, Nguyễn Hoàng Y có quen biết từ trước với Đào Văn Nhật là kỹ sư trắc địa và Nguyễn Văn Đức đang làm công việc đo đạc và chỉnh lý bản đồ địa chính trên địa bàn 03 xã Đa Phúc, Đoàn Kết và thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình thuộc dự án đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất của Công ty TNHH Sơn Hà (*địa chỉ: Tổ 01, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình*) hợp đồng với Phòng T1 nguyên môi trường huyện Yên Thủy nên Y đã đến địa bàn huyện Yên Thủy và đi theo tổ đo đạc đến các xã trên địa bàn huyện thuộc diện đo đạc và chỉnh lý bản đồ địa chính nêu trên, mặc dù Y không phải là Tổ trưởng cũng như là thành viên cán bộ của tổ đo đạc, không có Nhiệm vụ gì trong tổ. Quá trình tổ công tác làm việc ở các xã, Yên tiếp xúc với người dân, và có hành vi gian dối tự nhận mình là cán bộ thuộc tổ đo đạc có khả năng cấp đổi, làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận Q sử dụng đất nên những người dân tin tưởng, tự liên hệ trao đổi và thỏa thuận với Y. Tùy từng trường hợp, thửa đất khác nhau và nhu cầu của người dân Y tự đưa ra các mức phí và yêu cầu các giấy tờ liên quan khác nhau. Trong năm 2023, Nguyễn Hoàng Y đã nhận tiền của 08 trường hợp trên địa bàn huyện Yên Thủy hứa hẹn làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất, sau khi nhận tiền Y không làm gì để giúp các cá nhân như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 16.000.000 đồng của ông Trương Đức Q.

Năm 2023, chính Q xóm có thông báo về việc kê khai diện tích đất để cho công ty đo đạc tiến hành đo đạc và cấp lại giấy chứng nhận Q sử dụng đất, do gia đình cũng có nhu cầu nên ông Q cũng đến nhà văn hóa xóm để họp. Tại đây ông Q đã gặp Y, qua nói chuyện thì ông Q có bày tỏ mình muốn làm nhanh giấy chứng nhận Q sử dụng đất với Y thì Y có tự nhận mình là tổ trưởng của tổ đo đạc và nói “cháu làm được” nên ông Q có lấy số điện thoại của Y, đến chiều ngày 24/5/2023 ông Q có gọi điện cho Y đến nhà mình. Tại đây Y có bảo thửa đất của gia đình cần làm nhanh thì mất 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và bảo chuẩn bị các giấy tờ có liên quan, đồng thời hứa hẹn trong vòng 03 tháng sẽ có bìa. Nghe vậy ông Trương Đức Q có nhờ con trai ruột của mình là Trương Đức T1 chuyển số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) từ số T1 khoản của T1 là 1015041995 đăng ký tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB sang số T1 khoản 6666868277777 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB của Nguyễn Hoàng Y. Tiếp đó đến ngày 31/5/2023 và ngày 13/6/2023, Y tiếp tục có gọi điện thoại cho ông Q yêu cầu chuyển tiếp mỗi lần số tiền 2.000.000 đồng để lấy bìa, ông Trương Đức Q có ra điểm giao dịch của Viettel chi nhánh huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình để chuyển tiền mỗi lần 2.000.000 đồng (hai triệu

đồng) vào số T1 khoản 6666868277777 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB của Nguyễn Hoàng Y. Sau khi nhận tiền, Y không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Hết thời hạn ông Q không nhận được giấy chứng nhận Q sử dụng đất nên yêu cầu Y trả lại tiền nhưng Y không trả nên đã làm đơn tố giác đến Cơ quan điều tra đề nghị giải quyết. Sau khi bị tố giác Y chưa khắc phục trả lại cho ông Q 16.000.000 đồng.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 15.000.000 đồng của ông Trương Đức T.

Vào cuối tháng 05/2023, ông T có nhu cầu làm giấy chứng nhận Q sử dụng đất từ bỏ để là ông Trương Đức Qùy cho tặng một phần cho con gái mình là Trương Hương Linh, ông T biết chú ruột là ông Trương Đức Q quen biết với Nguyễn Hoàng Y và cũng nhờ Y cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất nên ông T là nhờ ông Q liên lạc với Y hỏi các thủ tục ra sao, tại đây Y có nói với ông T rằng có khả năng làm nhanh giấy chứng nhận Q sử dụng đất và chi phí là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) cùng các giấy tờ kèm theo và có hứa hẹn sau 03 tháng sẽ làm xong.

Ngày 02/6/2023 ông Trương Đức T có nhờ em trai ruột của mình là ông Trương Đức T2 chuyển số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) từ số T1 khoản 3008205132569 của T2 đăng ký tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank sang số T1 khoản 6666868277777 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB của Nguyễn Hoàng Y.

Hết thời hạn như thỏa thuận, ông Trương Đức T không nhận được giấy chứng nhận Q sử dụng đất nên đến Cơ quan điều tra đề nghị giải quyết. Sau khi bị tố giác Y chưa khắc phục trả lại cho ông T số tiền 15.000.000 đồng.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 28.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Tr.

Vào tháng 6/2023, thông qua quen biết ông Tr có gặp và quen Y thì Y giới thiệu là người của Sở T1 nguyên và môi trường có Nhiệm vụ đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất tại các xã trên địa bàn huyện Yên Thủy theo dự án của công ty TNHH Sơn Hà, tin tưởng lời của Y nói, ông Tr có muốn cấp lại giấy chứng nhận Q sử dụng đất từ bỏ để là ông Nguyễn Văn Chính đã chết sang tên của mình là Nguyễn Văn Tr, Y đưa ra chi phí làm nhanh là 28.000.000 đồng và trong vòng 02 (hai) tháng sẽ làm xong, đồng thời Y mượn cá nhân của ông Tr 2.000.000 đồng do vậy ông Tr đã nhờ T1 khoản của ông Tạ Khắc H chuyển số tiền 30.000.000 đồng ngày 06/8/2023 từ số T1 khoản 3008111156666 đăng ký tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank sang số T1 khoản 6666868277777 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB của Nguyễn Hoàng Y. Ngày 23/11/2023, Y mượn ông Tr số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền mặt và được ông Tr đồng ý, ông Tr gặp Y tại khách sạn Giang Sơn (có địa chỉ khu

phố Tân Khánh, thị trấn Hàng Trạm) và đưa 30.000.000 đồng tiền mặt. Đến khoảng tháng 01/2024 Y đã trả lại cho ông Tr số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và 30.000.000 đồng tiền mặt Y vay của ông Tr (có giấy biên nhận giữa hai bên). Tổng số tiền Y đã vay cá nhân Y đã trả lại cho ông Tr là 32.000.000 đồng. Hết thời hạn như thỏa thuận, ông Tr Nhiều lần gọi điện hỏi thông tin sổ nhưng Y đều hứa hẹn sắp làm xong mà không thực hiện đúng cam kết cũng không trả lại tiền. Sau khi bị tố giác tại Cơ quan điều tra, Y chưa khắc phục trả cho ông Tr 28.000.000 đồng.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 30.000.000 đồng của ông Tạ Khắc Hoà.

Khoảng tháng 4/2023 ông Tạ Khắc Hoà có mua lại mảnh đất của ông Quách Xuân Diệu và bà Nguyễn Thị H trú tại khu phố Thống Nhất, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình nhưng chưa làm thủ tục sang tên nên thông qua mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Văn Tr sinh năm 1957, trú tại xóm Phô Sáu, xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy H Bình, ông H gặp Nguyễn Hoàng Y, Y nói với ông H sẽ làm thủ tục sang tên trong vòng 03 tháng, chi phí hết 30.000.000 đồng và yêu cầu ông Hoà chuẩn bị các giấy tờ có liên quan đưa cho Y. Ngày 11/8/2023 ông Tạ Khắc H có sử dụng số T1 khoản 038623456789 đăng ký tại Ngân hàng Liên Việt chuyển số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sang số T1 khoản 6666868277777 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB của Nguyễn Hoàng Y. Sau khi chuyển ông Hoà có nói khi nào làm xong thủ tục sang tên thì sẽ chuyển nốt số tiền 10.000.000 đồng nhưng Y không đồng ý nên ngày ngày 12/8/2023 ông Tạ Khắc H có sử dụng số T1 khoản 3008111156666 đăng ký tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank tiếp tục chuyển số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sang số T1 khoản 6666868277777 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB của Nguyễn Hoàng Y. Hết thời hạn như thỏa thuận, Y không thực hiện đúng cam kết cũng không trả lại tiền, đến thời điểm tố giác tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hoàng Y chưa trả số tiền 30.000.000 đồng cho ông Nguyễn Khắc H.

5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 10.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị C.

Vào tháng 7/2023 bà C muốn chuyển đổi giấy chứng nhận Q sử dụng đất từ đất vườn sang đất thổ cư nên qua nói chuyện với em gái là Nguyễn Thị Đào bà C có nghe bà Đào nói Nguyễn Hoàng Y có làm thủ tục liên quan đến đất đai nên có tìm đến Y trình bày nhu cầu của mình thì Y đồng ý và bảo chuẩn bị 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và các giấy tờ có liên quan đưa cho Y để Y sẽ làm giúp. Ngày 09/7/2023 bà Nguyễn Thị C có nhờ người quen là Nguyễn Thành L chuyển số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) từ số T1 khoản 0974222512 của L đăng ký tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB sang số T1 khoản 6666868277777 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB của Nguyễn Hoàng Y. Hết thời hạn như thỏa thuận, Y không

thực hiện đúng cam kết cũng không trả lại tiền, đến thời điểm tố giác tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hoàng Y chưa khắc phục số tiền 10.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị C.

6. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 10.000.000 đồng của chị Bùi Thị K.

Đầu năm 2023, chị K được biết Nhà nước đang thực hiện được đo đạc để cấp lại giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho những hộ dân chưa có tại địa bàn xã Đoàn Kết, do có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận Q sử dụng đất nên quá trình tổ đo đạc về thực hiện thì chị K có quen biết với Y, tại đây Y có giới thiệu là mình có thể làm nhanh được giấy chứng nhận Q sử dụng đất trong thời gian ngắn, khoảng 01 tháng là sẽ có với chi phí là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Vào khoảng tháng 07/2023 chị Bùi Thị K có đưa tiền mặt cho Nguyễn Hoàng Y là 6.000.000 đồng tại nhà của chị K. Tiếp đó vào ngày 15/6/2023 chị Bùi Thị K có sử dụng số T1 khoản 3008205039369 đăng ký tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank tiếp tục chuyển số tiền 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) sang số T1 khoản 6666868277777 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB của Nguyễn Hoàng Y. Hết thời hạn như thỏa thuận, Y không thực hiện đúng cam kết cũng không trả lại tiền, đến thời điểm tố giác tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hoàng Y chưa khắc phục số tiền 10.000.000 đồng cho chị Bùi Thị K.

7. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 27.000.000 đồng của chị Bùi Thị Ng.

Do có nhu cầu muốn làm giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho mảnh mới khai hoang của gia đình tại xóm Mền 1, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh H Bình, qua chị dâu là chị Bùi Thị K thì chị Ng biết chị K đang nhờ Y làm nhanh giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho gia đình nên chị Ng đã xin số điện thoại và liên hệ với Y, khi trao đổi với nhau, chị Y nói mảnh đất của gia đình muốn làm nhanh thì mất chi phí là 17.000.000 đồng (*mười bảy triệu đồng*) trong vòng 01-02 tháng sẽ làm xong và bảo chuẩn bị các giấy tờ liên quan. Nghe vậy, chị Ng đồng ý.

Ngày 02/8/2023 chị Bùi Thị Ng có sử dụng số T1 khoản 3008215028767 đăng ký tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank chuyển số tiền 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*) sang số T1 khoản 1506220132361 đăng ký tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank mang tên Hoàng Thảo Nh là con gái của Nguyễn Hoàng Y. Tiếp đó Ngày 09/8/2023 chị Bùi Thị Ng tiếp tục sử dụng số T1 khoản 3008215028767 đăng ký tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank chuyển số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) sang số T1 khoản 1506220132361 đăng ký tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank mang tên Hoàng Thảo Nh.

Ngày 06/12/2023, Y có gọi điện cho chị Ng bảo mảnh đất của gia đình chị chỉ làm được giấy chứng nhận Q sử dụng đất cây lâu năm và muốn chuyển sang đất thổ

cư có giá trị hơn thì phải mất thêm chi phí là 10.000.000 đồng nữa đồng thời hứa hẹn trong tháng 12/2023 sẽ làm xong, chị Ng đồng ý và chuẩn bị các giấy tờ có liên quan. Ngày 07/12/2023 chị Bùi Thị Ng có đưa thêm số tiền mặt 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) cho Nguyễn Hoàng Y, ngày 08/12/2023 chị Bùi Thị Ng tiếp tục sử dụng số T1 khoản 3008215028767 đăng ký tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Agribank chuyển số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) sang số T1 khoản 6666868277777 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB của Nguyễn Hoàng Y. Quá thời hạn như thỏa thuận, Y không cấp được giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho gia đình chị Ng đồng thời không trả lại tiền. Đến thời điểm bị tố giác, Nguyễn Hoàng Y chưa trả lại 27.000.000 đồng cho chị Bùi Thị Ng.

8. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 13.000.000 đồng của anh Bùi Văn Q.

Năm 2018, anh Bùi Văn Q được bố vợ tặng cho một thửa đất, nên tháng 03/2023 chính Q xóm có thông báo kê khai lại diện tích các hộ để phục vụ cho việc cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất, tại đây thì anh Q có gặp Y, qua nói chuyện thì anh Q bày tỏ nhu cầu muốn làm giấy chứng nhận Q sử dụng đất được tặng thì Y có bảo mình làm được và hứa hẹn trong vòng 03 tháng sẽ làm xong và bảo chuẩn bị các giấy tờ có liên quan, nghe vậy thì anh Q đồng ý.

Ngày 01/4/2023 anh Bùi Văn Q có đến bưu điện huyện Yên Thủy, tỉnh H Bình để chuyển số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) vào số T1 khoản 6666868277777 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB của Nguyễn Hoàng Y. Tiếp đó vào ngày 04/4/2023 Bùi Văn Q tiếp tục đến bưu điện huyện Yên Thủy, tỉnh H Bình để chuyển số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) vào số T1 khoản 6666868277777 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội MB của Nguyễn Hoàng Y. Quá thời hạn như thỏa thuận, Y không thực hiện được việc cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất như cam kết đồng thời không trả lại tiền cho anh Bùi Văn Q nên anh Q làm đơn tố giác tại Cơ quan điều tra. Tính tới thời điểm tố giác, Y chưa khắc phục trả lại 13.000.000 đồng cho anh Bùi Văn Q.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKSYT ngày 26 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17-Phú Thọ) truy tố Nguyễn Hoàng Y về tội Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Khu vực 17 - Phú Thọ luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Hoàng Y

từ 04 (bốn) năm tù đến 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính ngày bắt tạm giam 22/3/2024. Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, Điều 268 Bộ luật tố tụng hình sự: Tổng hợp với hình phạt của bản án số 367/2025/HS-ST ngày 04/06/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ các bản ảnh chụp màn hình giao dịch chuyển tiền thành công qua T1 khoản của các bị hại Trương Đức Q; Bùi Thị K; Bùi Thị Ng; Nguyễn Văn Tr 01 giấy biên nhận tiền, đây là chứng cứ vụ án đã được đánh số bút lục lưu trong hồ sơ vụ án, nay không đề cập giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại của bị cáo Nguyễn Hoàng Y sử dụng vào liên lạc với các bị hại, quá trình điều tra bị cáo khai đã làm mất và không nhớ mất ở đâu và thời gian như thế nào do vậy Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Hoà Bình (nay là Công an tỉnh Phú Thọ) không có căn cứ để truy thu.

Về trách Nhiệm dân sự: Căn cứ quy định của pháp luật buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Y phải bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt tổng là 149.000.000 đồng trong đó bồi thường cho ông Nguyễn Văn Tr số tiền chiếm đoạt 28.000.000 đồng; ông Trương Đức T số tiền 15.000.000 đồng; ông Trương Đức Q số tiền 16.000.000 đồng; ông Tạ Khắc H số tiền 30.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị C số tiền 10.000.000 đồng; chị Bùi Thị K số tiền 10.000.000 đồng; chị Bùi Thị Ng số tiền 27.000.000 đồng; ông Bùi Văn Q số tiền 13.000.000 đồng .

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung, nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào T1 liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng Hình sự: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Yên Thủy, tỉnh H Bình (nay là Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ), của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh H Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 17 - Phú Thọ) và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham

gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoàng Y khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan và các T1 liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, qua đó đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Nguyễn Hoàng Y là lao động tự do, không có chức năng, thẩm Q, Nhiệm vụ trong việc làm thủ tục cấp đổi, cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất, lợi dụng mối quan hệ quen biết với anh Đào Văn Nhật là thành viên thuộc tổ đo đạc theo hợp đồng đo đạc và chỉnh lý bản đồ địa chính trên địa bàn 03 xã Đa Phúc, Đoàn Kết và thị trấn Hàng Trạm (nay là xã Lạc Lương; xã Yên Trị; xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ). Tuy Nhên do cần tiền để chi tiêu cho bản thân nên trong năm 2023 và lợi dụng tâm lí người dân e ngại thủ tục hành chính Y đã đưa ra thông tin gian dối giới thiệu với Nhiều người dân tại các xã Đa Phúc, thị trấn Hàng Trạm, Đoàn Kết (nay là xã Lạc Lương; xã Yên Trị; xã Yên Thủy, tỉnh Phú Thọ), Y là cán bộ thuộc tổ đo đạc, có khả năng cấp đổi, làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận Q sử dụng đất. Bằng thủ đoạn này Nguyễn Hoàng Y đã tạo được sự tin tưởng của các bị hại để những người này đưa tiền cho Y cùng hồ sơ để nhờ Y làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất.

Sau khi nhận được tiền từ các bị hại, Y không làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Hoàng Y chiếm đoạt của 08 người bị hại với tổng số tiền 149.000.000 đồng, cụ thể: Ông Trương Đức Q 16.000.000 đồng; anh Bùi Văn Q 13.000.000 đồng; anh Trương Đức T 15.000.000 đồng; anh Tạ Khắc H 30.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn Tr 28.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị C 10.000.000 đồng; chị Bùi Thị K 10.000.000 đồng; chị Bùi Thị Ng 27.000.000 đồng. Như vậy hành vi của Nguyễn Hoàng Y đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình (nay là Viện kiểm sát khu vực 17- Phú Thọ) truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên bị cáo Nguyễn Hoàng Y đã đưa ra thông tin gian dối giới thiệu bị cáo là cán bộ thuộc tổ đo đạc, có khả năng cấp đổi, làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận Q sử dụng đất, để các bị hại tin tưởng chuyển tiền cho bị cáo cùng hồ sơ hồ sơ thửa đất để nhờ bị cáo Y làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất, sau đó bị cáo chiếm đoạt của các

người bị hại tổng số tiền 149.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng Y đã xâm phạm trực tiếp đến Q sở hữu và T1 sản của công dân được pháp luật Việt Nam bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an trên địa bàn.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên do vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Hoàng Y. Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt T1 sản của những người bị hại nêu trên, trong thời gian năm 2021 đến năm 2023 bị cáo Nguyễn Hoàng Y còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt T1 sản của Nhiều người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội và bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử tại bản án Hình sự sơ thẩm số 367/2025/HSST ngày 04/06/2025 xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Y 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/3/2024. Bị cáo đang chấp hành Quyết định Thi hành án phạt tù số: 924/20025/QĐ-CA ngày 06/8/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, do vậy cũng cần được xem xét khi quyết định hình phạt. Tuy Nhên Hội đồng xét xử cũng xét thấy trong suốt quá trình Điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt chính: Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết bắt bị cáo sống cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Hoàng Y không có nghề nghiệp ổn định, không có T1 sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về thu giữ, xử lý vật chứng như trên là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách Nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Hoàng Y chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền 149.000.000 đồng, nay những người bị hại nêu trên yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt do đó buộc bị cáo phải có trách Nhiệm trả lại cho các bị hại cụ thể: Ông Trương Đức Q số tiền 16.000.000 đồng; ông Bùi Văn Q số tiền 13.000.000 đồng; ông Trương Đức T số tiền 15.000.000 đồng; ông Tạ Khắc H số tiền 30.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn Tr số tiền 28.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị C số tiền 10.000.000 đồng; bà Bùi Thị K số tiền 10.000.000 đồng; bà Bùi Thị Ng số tiền 27.000.000 đồng.

Đối với số tiền 32.000.000 đồng Nguyễn Hoàng Y vay của ông Nguyễn Văn Tr, bị cáo Y đã trả lại cho ông Tr, nay ông Tr cũng không yêu cầu gì đối với bị cáo Y, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Hoàng Y bị kết án và phải bồi thường dân sự cho các bị hại nên bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] *Về Q kháng cáo:* Bị cáo, các bị hại, những người có Q lợi nghĩa vụ liên quan có Q kháng cáo theo quy định tại các điều 331, điều 332, điều 333, điều 334 và điều 335 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] *Về các vấn đề khác trong vụ án:*

Đối với những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Đức T2, Trương Đức T1, Nguyễn Thành L là những người mà các bị hại nhờ những người này sử dụng T1 khoản của bản thân để chuyển tiền vào T1 khoản của bị cáo, những người nêu trên không được hưởng lợi gì đối với số tiền chuyển cho bị cáo Y. Sau khi chuyển tiền xong, T2 T1 và L được nhận tiền mặt từ những người đã nhờ chuyển. Vì vậy những người này không có yêu cầu, đề nghị gì đối với số tiền nêu trên nên cơ quan điều tra không có hình thức xử lý gì là có căn cứ.

Đối với người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thảo Nh là con gái của bị cáo, được bị cáo chuyển tiền của các bị hại vào T1 khoản của Nh, tuy Nhên Nh không biết về hành vi phạm tội của Y, ngay sau khi nhận được tiền đã chuyển toàn bộ trả lại T1 khoản của bị cáo. Đối với Nguyễn Văn Đức và Bùi Văn Nhật là các thành viên của tổ đo đạc, không biết về hành vi phạm tội của bị cáo cũng không hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của bị cáo nên quá trình điều tra cơ quan Điều tra không truy cứu trách Nhiệm hình sự đối với Đức, Nhật là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Y phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản”

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Hoàng Y 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/3/2024. Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự; Điều 268 Bộ luật tố tụng hình sự. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 367/2025/HS-ST ngày 04/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử phạt bị cáo 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T1 sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 18 (mười tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/3/2024.

2. Về trách Nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Y phải bồi thường cho các bị hại sau:

1. Ông Trương Đức Q số tiền 16.000.000 đồng
2. Ông Bùi Văn Q số tiền 13.000.000 đồng;
3. Ông Trương Đức T số tiền 15.000.000 đồng;
4. Ông Tạ Khắc H số tiền 30.000.000 đồng;
5. Ông Nguyễn Văn Tr số tiền 28.000.000 đồng;
6. Bà Nguyễn Thị C số tiền 10.000.000 đồng;
7. Bà Bùi Thị K số tiền 10.000.000 đồng;
8. Bà Bùi Thị Ng số tiền 27.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự theo bản án này có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được tính theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Y phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.450.000đ (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về Q kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trong

hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án bị cáo, các bị hại, những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có Q làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai người bị hại; người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Toà có Q làm đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Trại giam Xuân Nguyên;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Phú Thọ;
- VKSND KV 17-Phú Thọ;
- Cơ quan Điều tra CA tỉnh Phú Thọ;
- THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Hồ sơ THAHS;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan TGTT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Bùi Thị Lan

